

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Yêu cầu về kỹ thuật mang tính kỹ thuật thuần túy và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ (trừ giá). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập E-HSDT.

Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

I./ Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

- Tên gói thầu: Gói thầu số 31: Bảo hiểm công trình (phần công trình đầu mỗi bao gồm Đập ngăn sông + tràn xả lũ + cống lấy nước + Công trình điều tiết + kênh chuyển nước).
- Địa điểm thực hiện: Xã Hàm Thạnh, Tỉnh Lâm Đồng
- Yêu cầu về cung cấp dịch vụ: Bảo hiểm công trình
- Thời gian thực hiện: 18 tháng + 12 tháng bảo hành công trình

II./Mục tiêu công việc:

Trong mục này Chủ đầu tư cần cung cấp đầy đủ, chi tiết thông tin về các dịch vụ sẽ được thực hiện để bảo đảm nhà thầu có thể lập E-HSDT một cách hiệu quả, chính xác và cạnh tranh nhất có thể.

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng mời thầu	Mô tả dịch vụ ⁽¹⁾	Yêu cầu kết quả đầu ra	Ghi chú
1	Bảo hiểm công trình (phần công trình đầu mỗi bao gồm Đập ngăn sông + tràn xả lũ + cống lấy nước + Công trình điều tiết + kênh chuyển nước)	Khoản	1	Theo mục II. Yêu cầu về kỹ thuật	Bảo hiểm thiệt hại vật chất bất ngờ không lường trước được của dự án, liên quan đến xây dựng và lắp đặt các hạng mục công việc thuộc dự án do bất kỳ nguyên nhân gì không bị loại trừ trong hợp đồng bảo hiểm đối với toàn bộ các hạng mục dự án	

III./ Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

1./ Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

1.1. Phạm vi bảo hiểm: Doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện trách nhiệm bồi thường cho các tổn thất của công trình trong thời gian xây dựng phát sinh từ mọi rủi ro,

trừ các loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định 67/2023/NĐ-CP.

2./ Qui mô, giải pháp thiết kế chủ yếu của dự án:

2.1. Loại, cấp công trình:

- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và PTNT
- Cấp công trình: Công trình cấp II

2.2. Giá trị xây dựng công trình cần bảo hiểm (theo dự toán gói thầu): 230.655.514.577 đồng (theo Quyết định số 266/QĐ-BQLDA2 ngày 15/5/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng số 2 về việc phê duyệt dự toán gói thầu số 31 Bảo hiểm công trình (phần công trình đầu mối bao gồm Đập ngăn sông + tràn xả lũ + công lấy nước + Công trình điều tiết + kênh chuyển nước) thuộc dự án Hồ chứa nước Ka Pét, xã Hàm Thạnh, tỉnh Lâm Đồng)

Lưu ý: Giá gói thầu được duyệt đã bao gồm thuế GTGT (Chi phí thuế VAT 10%); Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) đồng thời thuế giá trị gia tăng nhà thầu phải nộp khác với mức quy định tại hợp đồng thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo mức thuế phải nộp.

2.3. Các hạng mục đầu tư xây dựng:

2.3.1. Đập ngăn sông

- Kết cấu đập bê tông trọng lực cao trình đỉnh đập + 138,50m, chiều cao lớn nhất $H_{max} = 27,50m$, chiều dài đập $L=172,0m$ (bao gồm cả tràn), chiều rộng đỉnh đập $B = 5m$; kết cấu lõi đập bằng BT M150, thượng lưu và đáy đập bằng BTCT M250-W6; mặt đập rải lớp bê tông nhựa chặt (hạt mịn) dày 10cm; thân đập có bố trí hệ thống hành lang kiểm tra, sửa chữa kết hợp với hệ thống rãnh tiêu nước thân và nền đập; các thiết bị quan trắc: Thẩm, chuyển bị, lún...;

- Đáy đập chủ yếu đặt trên nền đá cát bột kết phong hóa vừa (lớp 7), một phần bên vai trái đặt trên nền đá phong hóa vừa xen kẹp phong hóa mạnh (lớp 7a) và đá cát bột kết phong hóa mạnh (lớp 6). Xử lý gia cố toàn bộ nền đập bằng khoan phụt vữa xi măng với chiều sâu 5m tính từ đáy đập. Xử lý chống thấm nền đập bằng khoan phụt vữa xi măng với chiều sâu từ $(7 \div 18,5)m$, phạm vi giữa lòng sông khoan phụt 3 hàng và hai bên vai đập khoan phụt 2 hàng.

- Tiêu nước thân và nền đập bằng các ống thu nước khoan qua thân và nền đập, đường kính hố khoan $D = 105mm$, khoảng cách giữa các hố $A = 3m$, đặt ở phía thượng lưu thân và nền đập, các ống thu nước được nối với hệ thống rãnh tiêu nước ở hành lang kiểm tra trong thân đập và được tiêu thoát về hạ lưu đập.

2.3.2. Tràn xả lũ: Tràn xả lũ được bố trí trên tuyến đập chính tại khu vực lòng sông.

- Tràn dạng Ophixerop có cửa van điều tiết, cao trình ngưỡng tràn +131,0m, khẩu độ tràn $n_x(B \times H) = 3(7m \times 5,0m)$, nối tiếp hạ lưu tiêu năng bằng mũi phun, trên đỉnh tràn bố trí cầu giao thông rộng 5,0m; lưu lượng xả lũ thiết kế $Q_{1\%} = 476,0 m^3/s$, lượng xả lũ kiểm tra $Q_{0,2\%} = 544,17 m^3/s$. Kết cấu lõi tràn bằng BT M150, thượng lưu và đáy bằng

BTCT M250-W6; đường cong mặt tràn BTCT M300-W8 dày 1,5m; xử lý thấm, gia cố nền tương tự đập bê tông.

- Trên đỉnh tràn bố trí cầu công tác tại thượng lưu ở cao độ +139,35 tại khe sửa chữa vận hành bằng máy thả phai. Tại giữa đỉnh trụ bin ở cao trình +139,35 bố trí nhà vận hành cửa van cung, đóng mở cửa van cung bằng xi lanh thủy lực. Hạ lưu trụ bin trên đỉnh tràn bố trí cầu giao thông để nối hai bờ. Cao trình mặt cầu là +138,50 bằng cao độ đỉnh đập. Kết cấu cầu giao thông là BTCT M300, phạm vi 3 khoang tràn là BTCT đúc sẵn, phạm vi nối tiếp từ tràn với đập dâng là BTCT đổ tại chỗ. Chiều rộng và kết cấu mặt cầu tương tự như đập dâng.

- Tiêu năng sau tràn là tiêu năng mũi phun, hố xói có cao độ đáy +107,90; mép hố xói cách mũi phun 12m; Gia cố mặt sân hạ lưu sau tràn ở cao trình +114,0 bằng BTCT M250 dày 50cm, bên dưới là BT M200 dày 10cm; phạm vi gia cố với chiều dài 10m tính từ chân tường hạ lưu tràn, chiều rộng gia cố là 27,8m.

- Xử lý gia cố nền đập tràn, tiêu nước thân và nền đập tương tự như đập dâng.

2.3.3. Cổng lấy nước

- Tuyến cổng đặt bên vai trái đập, trong thân đập bê tông, cao trình ngưỡng cổng +120,75m, hình thức cổng tròn khẩu diện cổng $D = 1,9\text{m}$ chảy có áp, lưu lượng thiết kế cổng là $19,80\text{m}^3/\text{s}$, kết cấu ống thép bọc BTCT M250 bên ngoài.

- Thượng lưu cổng có bố trí cửa van sửa chữa đóng mở bằng máy vít điện. Bên trên có bố trí nhà tháp van để vận hành, kích thước nhà tháp van $3,9 \times 6,5\text{m}$, kết cấu khung dầm, sàn bằng BTCT M250, tường xây gạch.

- Hạ lưu cổng có bố trí van côn để vận hành, tiêu năng sau van côn là buồng va đập, bản đáy dày 1m, tường bên dày 0,70m. Phần trên nhà van kết cấu khung dầm, sàn bằng BTCT M250, tường xây gạch. Bố trí hệ thống nâng hạ bằng cầu trục trong nhà van phục vụ cho công tác sửa chữa.

- + Nhà van hạ lưu: Phía hạ lưu bố trí nhà van vận hành có kích thước $8,1 \times 10\text{m}$; Bản đáy dày 1m, tường bên dày 0,70m. Nhà chứa van, kết cấu móng, hệ khung, dầm giằng bằng BTCT M250, tường xây gạch, bố trí hệ thống nâng hạ bằng cầu trục trong nhà van phục vụ cho công tác sửa chữa.

- + Bể va đập sau nhà van: Bể va đập sau van côn được làm liền khối với nhà van, kích thước bể va đập $7,9 \times 7,4\text{m}$, kết cấu bằng BTCT M250, bản đáy dày 1m, tường bên dày 0,70m.

- Kênh dẫn hạ lưu cổng: Chiều dài đoạn kênh dẫn hạ lưu 70m, hình dạng chữ U, kết cấu BTCT M250, kích thước thông thủy $4,5 \times 7,0\text{m}$. Độ dốc đáy kênh $i=0,002$.

2.3.4. Cụm điều tiết và kênh chuyển nước

- Cụm điều tiết

- + **Tràn xả lũ:** Tràn tự do dạng hình thang vạt góc, chiều dài tràn 8m, chiều rộng $B=20\text{m}$, cao trình ngưỡng tràn +155,23m. Lưu lượng xả lũ thiết kế $Q_{1\%}=87,44\text{m}^3/\text{s}$, lượng xả lũ kiểm tra $Q_{0,2\%}=163,02\text{m}^3/\text{s}$; Tràn xả lũ đặt trên nền đá phong hóa vừa, nứt nẻ mạnh (lớp 7a).

Thượng lưu đỉnh tràn bố trí nhà chứa phai và nhà vận hành cụm điều tiết ở cao trình +158,80; Kết cấu sàn nhà, khung cột, sàn mái là BTCT M250, tường xây gạch, bố trí hệ thống nâng hạ bằng cầu trục trong nhà chứa phai phục vụ cho công tác sửa chữa

các cửa van. Đỉnh tràn có bố trí cầu giao thông tại hạ lưu tràn ở cao độ +158,50, chiều rộng toàn bộ cầu là 3,5m, kết cấu cầu BTCT M250 dày 50cm.

Ngưỡng tràn có kết cấu BTCT M250 dày 50cm bọc ngoài, lõi đập kết cấu BT M150 độn 30% đá học. Đáy đập đổ bù lớp BT M200 tạo phẳng.

Nối tiếp hạ lưu tràn bằng bể tiêu năng dài 17m, chiều sâu 0,5m, đáy bể tiêu năng ở cao độ +152,0. Dưới đáy bể có bố trí hệ thống lọc ngược với lớp dăm lọc dày 20cm, bên dưới là lớp cát lọc dày 10cm. Tường bên bể tiêu năng sử dụng tường chắn đất cao 6,5m, kết cấu BTCT M250, dưới là BT lót M100 dày 10cm. Gia cố đáy sân hạ lưu bể tiêu năng 1 đoạn dài 15m bằng kết cấu BTCT M250 dày 30cm, dưới là BT lót M100 dày 10cm và 1 đoạn nối tiếp dài 5m bằng kết cấu rọ đá kích thước $2 \times 1 \times 0,5$ m.

Gia cố đáy sân thượng lưu tràn 1 đoạn dài 5m sát ngưỡng tràn bằng kết cấu BTCT M250 dày 30cm, dưới là BT lót M100 dày 10cm. Gia cố mái bờ trái thượng lưu tràn 1 đoạn dài 20m sát ngưỡng tràn bằng kết cấu BTCT M250 dày 20cm, dưới là BT lót M100 dày 5cm. Mái gia cố bố trí các lỗ thoát nước với mật độ $a=2$ m.

+ Cổng điều tiết:

Hình thức dạng cổng lộ thiên chảy không áp, điều tiết bằng van phẳng phía thượng lưu, cao trình ngưỡng cổng +152,5m, khẩu độ cổng $n \times B \times H = 3 \times (7 \times 5,8)$ m; Lưu lượng xả lũ thiết kế $Q_{1\%} = 331,56 \text{ m}^3/\text{s}$, lượng xả lũ kiểm tra $Q_{0,2\%} = 427,98 \text{ m}^3/\text{s}$; Kết cấu BTCT M250, bản đáy dày 60cm, trụ biên dày 1m, trụ giữa dày 1,7m. Đáy cổng đổ bù lớp BT M200 tạo phẳng dày 10cm. Thượng lưu đỉnh cổng bố trí cầu công tác và giàn van ở cao trình +158,80; Cầu công tác và khung dầm giàn van bằng BTCT M250. Đỉnh cổng có bố trí cầu giao thông tại hạ lưu cổng tương tự như tràn xả lũ.

Thượng lưu cửa vào, hạ lưu cổng tương tự như tràn xả lũ.

+ Cổng lấy nước vào kênh chuyển nước:

Hình thức dạng cổng lộ thiên chảy không áp, điều tiết bằng van phẳng phía thượng lưu, cao trình ngưỡng cổng + 154,10m, khẩu độ cổng $n \times B \times H = 1 \times (2,5 \times 2,3)$ m, nối tiếp hạ lưu bằng bể tiêu năng; Lưu lượng thiết kế $Q_{tk} = 2,5 \text{ m}^3/\text{s}$.

Kết cấu BTCT M250, bản đáy dày 50cm, tại vị trí đầu cổng bản đáy dày 70cm, trụ biên dày 70cm, tràn cổng dày 40cm. Đáy cổng có lớp BT lót M100 dày 10cm. Cửa vào cổng dài 6m, dạng tường chữ U, kết cấu BTCT M250.

Thượng lưu đỉnh cổng bố trí giàn van ở cao trình +158,50, phía trên đỉnh cổng là đường giao thông liên xã được hoàn trả theo hiện trạng.

Nối tiếp sau cổng là bể tiêu năng dài 15m, dạng tường chữ U, kết cấu BTCT M250, bản đáy dày 70cm, tường dày (30÷70)cm. Đáy bể có lớp BT lót M100 dày 10cm. Phạm vi cuối bể có bố trí hệ thống lọc ngược với chiều dày lớp dăm lọc là 20cm.

+ Kênh chuyển nước vào hồ:

Hình thức kênh hộp kín chảy có áp kết hợp với kênh hở BTCT. Lưu lượng kênh thiết kế $Q_{tk} = 2,5 \text{ m}^3/\text{s}$. Chiều dài tuyến kênh là 1071m.

2.3.5. Cơ khí, thiết bị:

- Thiết bị cơ khí tràn xả lũ gồm:

Tràn gồm: 03 bộ cửa van cung bằng thép, kích thước $B \times H = (7,0 \times 5,58)$ m, kích thước cửa van $B \times H = (7,0 \times 6,3)$ m, đóng mở mỗi cửa bằng 2 xi lanh thủy lực, sức nâng

mỗi xi lanh 38.30 tấn, hành trình xi lanh: 3500mm; Đường kính xi lanh: $D_{XL}=0,2m$; Đường kính cần piston: $D_c=0,125m$; 01 bộ phai sửa chữa bằng thép gồm 5 cái, kích thước $(B \times H)=(7,0 \times 1,085)m$, kích thước phai $(B \times H)=(7,474 \times 1,085)m$; 01 bộ máy thả phai, kiểu loại chạy điện, sức nâng 10 tấn, chiều cao nâng 12m.

- Thiết bị cơ khí công lấy nước gồm: Tại tháp van thượng lưu công bao gồm: Lưới chắn rác; cửa van sự cố sửa chữa; máy đóng mở cửa van sự cố sửa chữa (01 bộ lưới chắn rác $B \times H = 1,9 \times 2,61 m$; 01 bộ cửa van sự cố sửa chữa: $B \times H = 1,9 \times 1,9 m$; 01 máy vít 20VĐ2).

- Thân công: Thân công là 01 ống thép bên ngoài bọc bê tông cốt thép. Đường ống thép $D = 1,9m$; chiều dày thành ống $t = 14 mm$. Chiều dài đường ống thép $L = 24,36 m$.

- Nhà van: Nhà van được bố trí ở cuối đường ống. Trong nhà van có bố trí các thiết bị cơ khí.

- Thiết bị cơ khí công dẫn dòng thi công gồm: 1 bộ cửa van vận hành $3 \times 3m$, 1 máy vít đóng mở VĐ2.

- Thiết bị cơ khí cụm điều tiết gồm:

- + Công điều tiết: Bao gồm 3 bộ cửa van vận hành $7 \times 5,8m$, 3 tời điện 20 tấn.

- + Thiết bị cơ khí công lấy nước vào kênh chuyển nước gồm: 1 bộ cửa van vận hành $2,5 \times 2,3m$, 1 máy vít đóng mở VĐ và 1 pa lăng kéo tay 2 tấn.

2.3.6. Hệ thống điện và thiết bị điện

Hệ thống chiếu sáng, vận hành: Gồm hệ thống chiếu sáng trên đập chính; hệ thống phục vụ quản lý, vận hành khu vực nhà quản lý, tràn xả lũ, công lấy nước, cụm điều tiết; hệ thống nổi đất, chống sét cho các thiết bị trên đập tràn, trạm biến áp, nhà quản lý vận hành; 01 máy phát dự phòng, công suất 50KVA/400V,...

2.3.7. Công dẫn dòng thi công

- Công có nhiệm vụ dẫn dòng trong giai đoạn thi công, sau đó được hoành triệt lại (bịt lại). Chọn tuyến công ngay giữa đơn nguyên tràn để nối tiếp đáy suối, thuận lợi cho công tác dẫn dòng.

- Cao trình ngưỡng công dẫn dòng $+116,50m$; khẩu diện công $B \times H = (3 \times 3)m$, lưu lượng dẫn dòng lớn nhất $Q_{dd}=23,3m^3/s$, kết cấu BTCT M250. Thượng lưu công có bố trí cửa van vận hành, đóng mở bằng máy vít điện. Bên trên có bố trí giàn van để vận hành.

2.3.8. Hệ thống quan trắc

- Quan trắc thấm bao gồm:

- + Quan trắc mực nước thượng hạ lưu công trình: Mực nước hồ và mực nước kênh; Phương pháp quan trắc tự động.

- + Quan trắc áp lực thấm nền đập: bố trí 4 mặt cắt. Phương pháp quan trắc tự động.

- + Quan trắc lưu lượng thấm qua khớp nối bên trong công trình: bố trí 2 vị trí đo lưu lượng thấm trong hành lang thân đập. Phương pháp quan trắc tự động.

- Quan trắc chuyển vị bao gồm:

- + Mốc cơ sở phục vụ quan trắc chuyển vị: Bố trí 06 mốc cơ sở khu vực hai đầu đập cả 2 phía thượng lưu và hạ lưu; Phương pháp quan trắc đo thủ công.

+ Quan trắc lún mặt: 23 mốc tại đập, tràn xả lũ. Phương pháp quan trắc đo thủ công.

+ Quan trắc chuyển vị ngang (ngiên, lệch): 14 mốc quan trắc thủ công và 04 mốc đo tự động tại đập, tràn xả lũ.

+ Quan trắc độ mở rộng hoặc thu hẹp của khớp (khe) nối, khe nứt: bố trí quan trắc 14 điểm trên tường đập bên phía hạ lưu bằng thước đo khe nứt. Phương pháp quan trắc tự động.

- Quan trắc ứng lực trong cốt thép (áp lực kéo cốt thép)

Quan trắc áp lực kéo cốt thép: Bố trí 12 thiết bị đo ứng suất kéo cốt thép tại 6 tai van của 3 cửa van cung.

- Quan trắc khí tượng thủy văn, thủy lực phạm vi công trình: Bố trí quan trắc 01 gàu đo mưa tại đầu mối; Phương pháp quan trắc tự động.

- Quan trắc độ mở cửa tràn: Bố trí 03 thiết bị đo độ mở cửa tràn. Phương pháp quan trắc tự động.

- Xây dựng trung tâm vận hành: (đặt tại nhà quản lý)

+ Hệ thống thiết bị thu nhận dữ liệu quan trắc;

+ Cơ sở dữ liệu quan trắc, giám sát;

+ Máy chủ cơ sở dữ liệu;

- Phần mềm: Xây dựng phần mềm quản lý, lưu trữ dữ liệu, xử lý dữ liệu, thiết lập ngưỡng an toàn công trình, cảnh báo khi vượt ngưỡng theo thời gian thực dựa trên công nghệ WebGIS.

2.4. Thời gian thi công

- Tổng thời gian thi công: 18 tháng + 12 tháng bảo hành công trình.

(Các bản vẽ và thuyết minh liên quan của hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt đã được đăng tải theo các thông báo mời thầu tại Thông báo KHLCNT số PL2600125231 ngày đăng tải 14/05/2026)

3./ Yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu

3.1. Loại hình bảo hiểm: Bảo hiểm mọi rủi ro trong xây dựng và trách nhiệm với bên thứ ba.

3.2. Mẫu đơn bảo hiểm và đề xuất kỹ thuật: Theo Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 và các quy định pháp luật hiện hành.

3.3. Người được bảo hiểm: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng số 2.

3.4. Hạng mục dự án được bảo hiểm: Bảo hiểm thiệt hại vật chất bất ngờ không lường trước được của tất cả các công việc bao gồm các công trình liên quan đến xây dựng và lắp đặt thiết bị của các hạng mục trong Hồ chứa nước Ka Pét, xã Hàm Thạnh, tỉnh Lâm Đồng.

3.5. Địa điểm được bảo hiểm: Xã Hàm Thạnh, Tỉnh Lâm Đồng.

3.6. Thời gian bảo hiểm:

Thời gian bảo hiểm Theo thời gian thực hiện dự án, kể từ ngày khởi công cho đến khi hoàn thành toàn bộ dự án bàn giao đưa vào sử dụng, cộng thêm thời gian bảo hiểm cho công tác bảo hành dự án 12 tháng theo điều khoản bảo hiểm bảo hành.

Trong trường hợp thời gian thi công bị chậm trễ so với tiến độ, Người được bảo hiểm dự án sẽ thông báo cho Người bảo hiểm dự án bằng văn bản và Người bảo hiểm dự án sẽ gia hạn thời gian bảo hiểm dự án theo yêu cầu của Người được bảo hiểm. Việc thay đổi này không làm phát sinh chi phí cho Người được bảo hiểm.

3.7. Nguyên tắc bồi thường bảo hiểm:

Thực hiện xem xét, giải quyết bồi thường bảo hiểm theo quy định pháp luật hiện hành về kinh doanh bảo hiểm và theo nguyên tắc được quy định tại Điều 39 Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023.

3.8. Quyền lợi được bảo hiểm:

Phần 1: Thiệt hại vật chất, bao gồm nhưng không giới hạn như sau:

Nếu trong thời hạn bảo hiểm, bất kỳ một hạng mục tài sản nào có tên trong hợp đồng bảo hiểm hay bất kỳ bộ phận nào của hạng mục đó bị tổn thất vật chất bất ngờ và không lường trước được do bất kỳ nguyên nhân nào khác với những nguyên nhân bị loại trừ dưới đây gây ra tới mức cần phải sửa chữa hoặc thay thế thì doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm bồi thường cho người được bảo hiểm tổn thất đó theo quy định tại Quy tắc bảo hiểm bằng cách trả tiền. Mức bồi thường đối với từng hạng mục tài sản ghi trong hợp đồng bảo hiểm không vượt quá số tiền bảo hiểm của hạng mục tài sản đó và trong phạm vi hạn mức trách nhiệm bồi thường đối với mỗi sự kiện bảo hiểm (nếu có). Tổng số tiền bồi thường không vượt quá tổng số tiền được bảo hiểm quy định trong hợp đồng bảo hiểm.

Bảo hiểm sẽ bồi thường mọi thiệt hại vật chất bất ngờ cho công trình do những nguyên nhân không bị loại trừ trong hợp đồng bảo hiểm đối với toàn bộ các hạng mục công trình của dự án, máy móc/thiết bị trong quá trình lưu kho cùng với nguyên vật liệu, trang thiết bị kèm theo theo giá trị được kê khai trong phần giá trị bảo hiểm.

Chi phí chuyên gia, tư vấn, và chi phí cho kiến trúc sư, giám định viên, kỹ sư, chủ nhiệm Điều hành dự án, Điều phối viên dự án, chi phí pháp lý và các chi phí khác phát sinh cho Người được bảo hiểm sau khi xảy ra tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm (bao gồm cả chi phí khảo sát, thiết kế, thay đổi thiết kế... để khôi phục các hạng mục bị tổn thất).

Chi phí giám định tổn thất đối với những tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm sẽ do Nhà bảo hiểm chịu.

Phần 2: Trách nhiệm đối với bên thứ ba:

Bảo hiểm trách nhiệm pháp lý của Người được bảo hiểm phát sinh đối với thiệt hại tính mạng, thương tật thân thể và/hoặc thiệt hại tài sản của bên thứ ba trong quá trình thi công các hạng mục được bảo hiểm và trong thời hạn bảo hiểm được nêu tại phần 1 mục này.

3.9. Giá trị bảo hiểm/hạn mức trách nhiệm

Phần 1: Thiệt hại vật chất công trình

+ Giá trị xây dựng : 230.655.514.577 đồng

+ Tổng số tiền bảo hiểm (có VAT): 230.655.514.577 đồng

3.10. Mức khấu trừ

Mức khấu trừ bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng: $\leq$ mức khấu trừ theo Nghị định 67/2023/NĐ-CP cho mức khấu trừ loại N và giá trị bảo hiểm là 230.655.514.577 đồng.

Phần 2: Trách nhiệm đối với bên thứ ba:

Bảo hiểm trách nhiệm pháp lý của Người được bảo hiểm phát sinh đối với thiệt hại tính mạng, thương tật thân thể và/hoặc thiệt hại tài sản của bên thứ ba trong quá trình thi công các hạng mục được bảo hiểm và trong thời hạn bảo hiểm được nêu trong phần 1.

1. Nội dung qui tắc bảo hiểm xây dựng, lắp đặt và các điều khoản bổ sung:

Trên cơ sở Người được bảo hiểm có tên trong phụ lục kèm theo đã gửi cho **Người bảo hiểm** giấy yêu cầu bảo hiểm (giấy yêu cầu bảo hiểm này được xem như) bằng cách điền vào Bản câu hỏi (Bản câu hỏi này cùng với bản kê khai khác của Người được bảo hiểm có liên quan đến Đơn bảo hiểm này là một bộ phận cấu thành của Đơn bảo hiểm này.

Đơn bảo hiểm này xác nhận với điều kiện là Người được bảo hiểm thanh toán cho **Người bảo hiểm** số phí bảo hiểm nêu trong phụ lục kèm theo và tuân theo các Điều khoản, Điều kiện và các Điểm loại trừ quy định trong Đơn bảo hiểm hoặc đính kèm theo Đơn bảo hiểm, **Người bảo hiểm** sẽ trả tiền bồi thường cho Người được bảo hiểm theo cách thức và mức độ quy định dưới đây.

2. Qui tắc bảo hiểm xây dựng:

Các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm (Khoản 2, Điều 34 Nghị định 67/2023/NĐ-CP)

Doanh nghiệp bảo hiểm không có trách nhiệm bồi thường bảo hiểm trong các trường hợp sau:

a) Tổn thất phát sinh do chiến tranh, bạo loạn, đình công, hành động của các thế lực thù địch, nổi loạn, hành động ác ý nhân danh hoặc có liên quan tới các tổ chức chính trị, tịch biên, sung công, trưng dụng, trưng thu hay phá hủy hoặc bị gây thiệt hại theo lệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Tổn thất phát sinh do hành động khủng bố.

c) Tổn thất phát sinh do phản ứng hạt nhân, phóng xạ hạt nhân, nhiễm phóng xạ.

d) Tổn thất hoặc thiệt hại của bên mua bảo hiểm và người được bảo hiểm có tên trong danh sách cấm vận.

đ) Tổn thất hoặc thiệt hại có liên quan đến dịch bệnh theo công bố của cơ quan có thẩm quyền.

e) Tổn thất phát sinh từ hành vi cố ý vi phạm pháp luật của bên mua bảo hiểm hoặc người được bảo hiểm.

g) Tổn thất phát sinh trong trường hợp bên mua bảo hiểm không có quyền lợi có thể được bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

h) Tồn thất phát sinh do ngừng công việc thi công xây dựng hoặc tồn thất do hậu quả của ngừng công việc thi công xây dựng (dù là ngừng một phần hoặc toàn bộ công việc thi công).

i) Tồn thất đối với dữ liệu, phần mềm và các chương trình máy tính.

k) Tồn thất phát sinh do lỗi thiết kế của nhà thầu tư vấn đầu tư xây dựng đối với công trình xây dựng từ cấp II trở lên.

l) Tồn thất do hiện tượng ăn mòn, mài mòn, ôxy hóa.

m) Tồn thất do hiện tượng mục rữa và diễn ra trong điều kiện áp suất, nhiệt độ bình thường (quy định này chỉ áp dụng đối với các công trình xây dựng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37 Nghị định này).

n) Tồn thất do hiện tượng kết tạo vảy cứng như han gỉ, đóng cặn hoặc các hiện tượng tương tự khác (quy định này chỉ áp dụng đối với các công trình xây dựng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37 Nghị định này).

o) Chi phí sửa chữa, thay thế, chỉnh sửa khuyết tật của nguyên vật liệu hoặc lỗi tay nghề. Loại trừ này chỉ áp dụng đối với tồn thất của các hạng mục bị ảnh hưởng trực tiếp, không áp dụng đối với tồn thất của các hạng mục khác là hậu quả gián tiếp do khuyết tật của nguyên vật liệu hoặc lỗi tay nghề mà thi công đúng.

p) Tồn thất hay thiệt hại chỉ phát hiện được vào thời điểm kiểm kê.

4./ Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:

+ Giải pháp và phương pháp luận: Nhà thầu phải trình bày giải pháp bảo hiểm và phương pháp luận thực hiện dịch vụ, bao gồm phạm vi bảo hiểm, điều khoản áp dụng, phương án đánh giá rủi ro, giám định tổn thất và bồi thường.

+ Kế hoạch công tác: Nhà thầu phải trình bày kế hoạch thực hiện dịch vụ, bao gồm tiến độ thực hiện, phân công nhân sự, thời gian xử lý sự cố, thời gian bồi thường và cơ chế phối hợp với Chủ đầu tư sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư.

5./ Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

- Thực hiện đầy đủ các điều khoản theo hợp đồng;
- Đảm bảo thời gian hiệu lực bảo hiểm theo quy định;
- Thực hiện nghĩa vụ bảo hiểm theo đúng cam kết.